TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG NGUYÊN** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 07/2021/HNGĐ-ST Ngày 13 - 4 - 2021 V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG NGUYÊN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Quốc Tú;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải;

2. Bà Nguyễn Thị Nhung;

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Oanh, cán bộ Toà án nhân dân huyện Hưng Nguyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Phi Thăng - kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 146/2020/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST – HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị P T H; Sinh năm: 1963;

Địa chỉ: Xóm 4, xã HN, huyện HN, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Tr Đ T (Tên gọi khác: Trần Văn T); Sinh năm: 1965;

Địa chỉ: Xóm 4, xã HN, huyện HN, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 23 tháng 11 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án *nguyên đơn chị P T H trình bày:*

Chị P T H và anh Tr Đ T kết hôn với nhau ngày 02 tháng 12 năm 2004 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Nhân (Nay là UBND xã CN), huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không có sự ép buộc. Sau khi kết hôn vợ cH có thời gian chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau gây ra nhiều chuyện dẫn đến bạo lực gia đình, kinh tế thuộc diện hộ nghèo, bản thân luôn chịu thiệt thòi để gia đình được hạnh phúc nhưng cH (anh T) vẫn không thay đổi. từ đó chị H phải gửi con về ngoại để đi làm ăn, sau thời gian hai năm về bản thân đau ốm lại thiếu sự quan T nên xảy ra xô xát. Xét thấy tình cảm vợ cH không còn nên chị P T H viết đơn xin ly hôn với anh Tr Đ T để giải phóng cho nhau. Về con chung: Vợ cH có một con chung tên là Trần P Đ P; sinh ngày 14 tháng 11 năm 2009, nay ly hôn nguyện vọng của chị H là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Tr Đ T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và các khoản nợ: Chị P T H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 02 năm 2021 bị đơn anh Tr Đ T xác nhận và trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị P T H trình bày. Ngoài ra còn nguyên nhân mâu thuẫn chính dẫn đến việc vợ cH ly hôn là vì từ khi đi nước ngoài về chị H ở hẳn bên ngoại. Nay chị P T H yêu cầu ly hôn, anh T hoàn toàn đồng ý. Về con chung: Vợ cH có con chung tên là Trần P Đ P; sinh ngày 14 tháng 11 năm 2009, khi ly hôn nguyện vọng của anh T là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con vì lý do chị H không biết lo lắng cho con cái, hơn 02 năm chị H đi nước ngoài không gửi tiền về nuôi con. Về tài sản và các khoản nợ: Anh Tr Đ T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên Tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do các bên không hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng theo quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, cho chị P T H được ly hôn anh Trần Đình T. Giao con chung cho chị

H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bị đơn. Nguyên đơn thuộc diện hộ nghèo nên đề nghị miễn án phí cho Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn anh Tr Đ T hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại Xóm 4, xã HN, huyện HN, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản cho bị đơn là anh Tr Đ T nhưng anh T không có yêu cầu phản tố, không hợp tác, không tham gia các buổi hòa giải được Tòa án triệu tập. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị P T H và anh Tr Đ T có đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 12 năm 2004 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Nhân (Nay là UBND xã CN), huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không có sự ép buộc và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8 luật Hôn nhân và gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Qua lời khai của chị H và anh T và qua kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn của chị P T H và anh Tr Đ T đã đến mức trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị được ly hôn anh Tr Đ T như đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay.

[3]. *Về con chung:* Qua lời khai của chị P T H và anh Tr Đ T có một con chung tên là tên là Trần P Đ P; sinh ngày 14 tháng 11 năm 2009.

Nguyên đơn, và bị đơn đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn thấy: Nguyện vọng nuôi con của chị H và anh T là chính đáng. Về điều kiện hoàn cảnh nuôi con: Chị H và anh T đều có đủ điều kiện về kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Tuy nhiên, chị P T H hiện đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, kể từ khi anh chị ly thân là tháng 7 năm 2020 đến nay cháu Phúc vẫn ở với chị H, cháu Trần P Đ P có đơn xin trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn và để đảm bảo quyền lợi cho cháu Phúc, cần thiết giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng để bảo đảm điều kiện chăm sóc và giáo dục con. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung Trần P Đ P cho chị P T H được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung trưởng thành.

Nguyên đơn chị P T H không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung vì vậy, cần tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Đình T.

[4]. *Tài sản và các khoản nợ:* Chị P T H và anh Tr Đ T không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5].*Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho chị P T H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị P T H được ly hôn với anh Tr Đ T (tên gọi khác: Trần Văn T).

Về con chung: Giao con chung tên là Trần P Đ P; sinh ngày 14 tháng 11 năm 2009 cho chị P T H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi; Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Đình T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của các con thì các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị P T H.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Hưng Nguyên;
- THA DS huyện Hưng Nguyên
- Đương sự;
- UBND xã Hưng Nghĩa;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Quốc Tú